

**LÝ THUYẾT
CHUNG VỀ
HỆ THỐNG
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI**

1. LÝ THUYẾT CHUNG VỀ HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Định Nghĩa

Theo luật của các tổ chức tín dụng ngày 12/12/1997 do Quốc hội khóa X thông qua, định nghĩa:

Ngân hàng thương mại là một loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động khác có liên quan. Luật này còn định nghĩa: Tổ chức tín dụng là loại hình doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật để hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.

Tuy nhiên, luật tổ chức tín dụng không có định nghĩa hoạt động ngân hàng vì khái niệm này đã được định nghĩa trong Luật Ngân hàng Nhà nước, cũng do Quốc hội khóa X thông qua cùng ngày. Luật Ngân hàng Nhà nước định nghĩa: Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi và sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán.

Để làm rõ hơn sự khác biệt giữa ngân hàng thương mại và các loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng, cần có sự so sánh để làm rõ nổi bật sự khác biệt này.

Ngân hàng thương mại

- Là tổ chức tín dụng
- Được thực hiện toàn bộ hoạt động của ngân hàng
- Là tổ chức nhận tiền gửi
- Cung cấp dịch vụ thanh toán

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Là tổ chức tín dụng
- Được thực hiện một số hoạt động của ngân hàng
- Là tổ chức không nhận tiền gửi
- Không cung cấp dịch vụ thanh toán

1.2. Chức năng

Ngân hàng thương mại có 3 chức năng cơ bản:

- Chức năng trung gian tài chính: Ngân hàng thương mại đóng vai trò trung gian khi thực hiện các nghiệp vụ bao gồm nghiệp vụ cấp tín dụng, nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh chứng khoán và nhiều nghiệp vụ môi giới khác. Từ “trung gian” có thể hiểu theo 2 nghĩa:

- Trung gian giữa các khách hàng với nhau như một khách hàng tới gửi tiết kiệm thì ngân hàng có thể dùng tiền gửi của khách hàng này để cho khách hàng khác vay.

- Trung gian giữa ngân hàng trung ương với công chúng. Ngân hàng Trung ương hay ở Việt Nam thường gọi là Việt Nam thường gọi là Ngân hàng Nhà nước không có giao dịch trực tiếp với công chúng mà giao dịch với các ngân hàng thương mại, trong khi các ngân hàng thương mại vừa giao dịch với ngân hàng trung ương, vừa giao dịch với công chúng.

- Chức năng tạo tiền (chức năng bút tệ): Chức năng này giúp ngân hàng thương mại gia tăng khối lượng tiền tệ phục vụ cho nền kinh tế.

- Chức năng sản xuất: Chức năng này được hiểu là ngân hàng thương mại có thể huy động và sử dụng các nguồn lực để tạo ra “sản phẩm” và dịch vụ cho nền kinh tế. Tuy nhiên chữ sản xuất ở đây nên hiểu trong dấu ngoặc kép, vì có thể còn nhiều tranh cãi chưa thống nhất.

Sản xuất, theo kinh tế học định nghĩa là quá trình sử dụng các yếu tố đầu vào để tạo ra sản phẩm và dịch vụ. Trong lĩnh vực ngân hàng cũng sử dụng các yếu tố đầu vào như: đất đai, lao động và vốn. Tuy nhiên các yếu tố đầu vào này có tính chất đặc biệt như đất đai thì thường chọn những nơi có vị thế tốt để tiện giao dịch, về lao động thì phải là lao động có kỹ năng và được đào tạo ở một trình độ nhất định, ít nhất là trình độ cao đẳng hay đại học. Vốn thì đa phần từ nguồn vốn huy động của khách hàng. Có thể nói chưa có loại hình doanh nghiệp nào có tỉ lệ nợ trên vốn cao như ngân hàng thương mại.

Từ các yếu tố đầu vào như vậy nên sản phẩm mà ngân hàng thương mại tạo ra cũng đặc thù để cung cấp cho khách hàng, bao gồm:

- Các sản phẩm về huy động vốn như tiền gửi và các giấy tờ có giá các loại
- Các sản phẩm cấp tín dụng như cho vay doanh nghiệp, cho vay cá nhân, cho vay tiêu dùng, cho vay sà xuất, tài trợ xuất nhập khẩu, tài trợ dự án, cho thuê tài chính,...
- Các sản phẩm thẻ như thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ ATM,...
- Các dịch vụ ngân hàng như dịch vụ chuyển tiền, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán quốc tế,...
- Các sản phẩm kinh doanh ngoại tệ như các hợp đồng giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, giao sau, quyền chọn,...

Từ những phân tích trên cũng để nhấn mạnh thêm chức năng sản xuất của ngân hàng thương mại. Do đó các nhà quản trị cũng cần chú ý những điểm sau trong quá trình quản trị.

- Thứ nhất, cũng như doanh nghiệp, ngân hàng thương mại muốn tồn tại và phát triển thì phải tiêu thụ được sản phẩm của mình, do vậy cần chú ý đến tiếp thị, bán hàng, khuyến mãi, và thậm chí đến cả dịch vụ hậu mãi nữa.
- Thứ hai, cũng như doanh nghiệp, ngân hàng thương mại phải chú ý đến nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và thiết kế sản phẩm sao cho thỏa mãn tối đa nhu cầu và thị hiếu của khách hàng.
- Thứ ba, cũng như doanh nghiệp, ngân hàng thương mại phải không ngừng quan tâm đến phát triển và đổi mới công nghệ ngân hàng, đặc biệt trong thời đại công nghệ thông tin như hiện nay công nghệ ngân hàng thay đổi rất nhanh chóng. Một sự chậm chạp hoặc thiếu đầu tư công nghệ có thể dẫn đến tai họa cho ngân hàng thương mại trong thời đại cạnh tranh gay gắt hiện nay.

1.3. Phân loại ngân hàng thương mại

1.3.1. Dựa vào hình thức sở hữu

Dựa theo tiêu chí này có thể phân loại ngân hàng thương mại thành những loại sau:

- Ngân hàng thương mại Nhà nước:

Là ngân hàng thương mại do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ hoạt động kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Hiện nay, Việt Nam có 6 ngân hàng thương mại Nhà nước.

- Ngân hàng thương mại cổ phần:

Là ngân hàng thương mại được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó có các doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức tín dụng, tổ chức khác, và cá nhân cùng góp vốn theo quy định của Nhà nước. Hiện nay, Việt Nam có hơn 40 ngân hàng thương mại.

- Ngân hàng liên doanh

Là ngân hàng được thành lập bằng vốn góp của bên Việt Nam và bên nước ngoài trên cơ sở hợp đồng liên doanh. Ngân hàng liên doanh là một pháp nhân Việt Nam, có trụ sở tại Việt Nam, hoạt động theo giấy phép thành lập và theo các quy định liên quan của pháp luật. Hiện nay, Việt Nam có khoảng 6 ngân hàng liên doanh: Indovina, VIP,...

- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền và nghĩa vụ do pháp luật Việt Nam qui định, hoạt động theo giấy phép mở chi nhánh và các qui định liên quan của pháp luật Việt Nam. Loại hình này hiện nay ở Việt Nam có rất nhiều. Có khoảng 28 ngân hàng. Trong tương lai có thể sẽ tăng nữa do thỏa thuận của Việt Nam khi gia nhập WTO.

1.3.2. Dựa vào chiến lược kinh doanh

Dựa vào tiêu chí này có thể chia ngân hàng thương mại thành 3 nhóm

- Ngân hàng bán buôn: Là ngân hàng chỉ giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng là công ty chứ không giao dịch với khách hàng cá nhân.
- Ngân hàng bán lẻ: Là loại ngân hàng giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng cá nhân.
- Ngân hàng vừa bán buôn vừa bán lẻ: Là loại ngân hàng giao dịch và cung ứng dịch vụ cho cả hai đối tượng vừa doanh nghiệp vừa cá nhân. Trong tương lai, loại hình ngân hàng này sẽ được phát triển hơn nhằm tạo sự phong phú và đa dạng cho dịch vụ của ngân hàng.

1.4. Cơ cấu tổ chức của một ngân hàng thương mại.

Tùy theo hình thức sở hữu mà ngân hàng thương mại có cơ cấu tổ chức khác nhau. Ở đây chỉ trình bày cơ cấu tổ chức hai loại ngân hàng tiêu biểu: Ngân hàng thương mại quốc doanh và ngân hàng thương mại cổ phần.

- Ngân hàng thương mại quốc doanh: gồm có 6 ngân hàng là ngân hàng Công thương VN, ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN, ngân hàng Ngoại thương VN, ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long, ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN và ngân hàng Chính sách – Xã hội. Các ngân hàng này thường tổ chức hệ thống thống nhất từ Hội sở Trung ương đến chi nhánh ở các tỉnh, thành và quận, huyện.

- Ngân hàng thương mại cổ phần là loại ngân hàng được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Hiện tại và trong tương lai loại hình ngân hàng này càng đóng vai trò quan trọng hơn trong hệ thống ngân hàng. Về cơ cấu tổ chức, một ngân hàng thương mại cổ phần thường có:

- + Hội sở với đầy đủ các phòng như Phòng giao dịch, phòng tín dụng, Phòng thanh toán quốc tế, Phòng kinh doanh ngoại tệ, Phòng ngân quỹ, Phòng hành chính – tổ chức, Phòng quan hệ quốc tế, Phòng công nghệ thông tin.

- + Chi nhánh, bao gồm chi nhánh cấp một và cấp hai, ở các địa phương.
- + Phòng giao dịch hoặc điểm giao dịch trực thuộc chi nhánh, thường mở ở những nơi đông dân cư và có nhu cầu giao dịch với ngân hàng như siêu thị, trường học và khu dân cư.

Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức của ngân hàng thương mại có thể thay đổi tùy theo quá trình phát triển và quy mô hoạt động ngày càng lớn hơn của ngân hàng. Hiện nay, các chi nhánh cũng có khá đầy đủ các loại phòng ban để giao dịch và kinh doanh để phù hợp với tình hình mới.

1.5. Vị trí của Ngân hàng thương mại trong nền kinh tế:

- Ngân hàng thương mại là loại tổ chức tín dụng thực hiện toàn bộ hoạt động Ngân hàng, tức là được thường xuyên nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.
- Hoạt động của Ngân hàng thương mại gắn chặt với hoạt động của nền kinh tế, và liên quan đến quyền lợi của hàng triệu khách hàng gửi tiền, khách hàng nhận dịch vụ,...
- Ngân hàng thương mại được tổ chức thành các pháp nhân riêng nhưng tính chất hoạt động đặc biệt buộc các Ngân hàng riêng lẻ phải liên kết với nhau thành hệ thống dưới sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ (NHTW).
- Một Ngân hàng đổ vỡ có thể kéo theo phản ứng dây chuyền ở các Ngân hàng khác gây thiệt hại quyền lợi của hàng triệu người gửi tiền, dẫn đến mất ổn định kinh tế, chính trị, xã hội. Do vậy, vấn đề an toàn trong kinh doanh Ngân hàng được đặt lên hàng đầu và việc tăng cường kiểm toán nội bộ, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý đối với Ngân hàng thương mại là hết sức cần thiết.

1.6. Hoạt động của ngân hàng thương mại

1.6.1. Hoạt động huy động vốn

1.6.2. Hoạt động cấp tín dụng

- Chiếu khấu
- Cho thuê tài chính
- Bao thanh toán
- Tài trợ nhập khẩu
- Tài trợ xuất khẩu
- Cho vay thấu chi
- Cho vay theo hạn mức tín dụng và hạn mức tín dụng dự phòng

1.6.3. Hoạt động dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.

1.6.4. Các hoạt động khác.

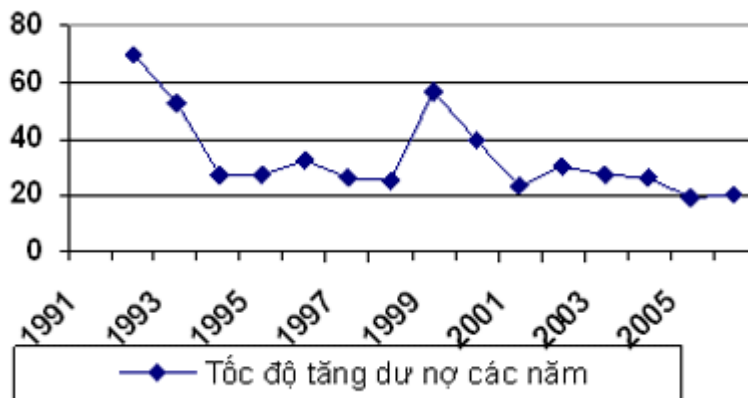
- Góp vốn và mua cổ phần
- Tham gia thị trường tiền tệ
- Kinh doanh ngoại hối
- Ủy thác và nhận ủy thác
- Cung ứng dịch vụ bảo hiểm
- Tư vấn tài chính
- Bảo quản vật quý giá

2. THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA (2006 – 2008)

2.1. Ưu điểm – những thành công

Tính đến nay, hệ thống ngân hàng nước ta có 6 ngân hàng thương mại nhà nước (NHTMNN), 37 NHTMCP, 31 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 6 ngân hàng liên doanh, 6 công ty tài chính và 10 công ty cho thuê tài chính, 926 tổ chức tín dụng nhân dân và 46 văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài. Hơn nữa, hiện nay NHNN đã chấp nhận về nguyên tắc cho ra đời thêm 4 NHNN cổ phần, càng chứng tỏ hệ thống ngân hàng đang vững mạnh hơn. Nếu so với cách đây hơn chục năm thì đây quả là một sự trưởng thành vượt bậc.

Đồ thị 1. Tốc độ tăng dư nợ tín dụng qua các năm



Ghi chú: Báo cáo thông tin NHNN

Thứ nhất, hệ thống ngân hàng đã huy động và cung cấp một lượng vốn khá lớn cho nền kinh tế, ước tính hàng năm chiếm khoảng 16-18% GDP, gần 50% vốn đầu tư toàn xã hội. Tăng trưởng tín dụng liên tục tăng trong các năm và năm 2006 ước tăng khoảng 24%, cao hơn mức 19% năm 2005. Hệ thống ngân hàng cũng có nhiều đóng góp cho tăng trưởng, phát triển và ổn định nền kinh tế trong những năm qua.

Thứ hai, hệ thống ngân hàng đã có cuộc đổi mới toàn diện. Nhiều văn bản luật đã được ban hành một cách đồng bộ; Cơ chế chính sách về hoạt động ngân hàng đã ngày một hoàn chỉnh và phù hợp với thông lệ quốc tế; Khuôn khổ thể chế ngày một thông thoáng và minh bạch hơn. Những phân biệt đối xử giữa loại hình tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng trong nước và tổ chức tín dụng nước ngoài đã từng bước được loại bỏ; Chức năng cho vay tín dụng chính sách và cho vay tín dụng thương mại đã được tách bạch; Các NHTM, các tổ chức tín dụng đã được tự chủ và tự chịu trách nhiệm khá đầy đủ. Tính cạnh tranh của các tổ chức tín dụng được nâng cao; Thị trường dịch vụ ngân hàng được phát triển an toàn và hiệu quả.

Thứ ba, chính sách tiền tệ (CSTT) được đổi mới và điều hành theo nguyên tắc thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các công cụ gián tiếp điều hành CSTT đã được hình thành và phát triển. Chính sách lãi suất và tỷ giá hối đoái đã

được áp dụng linh hoạt theo cơ chế thị trường. Chính sách tín dụng được mở rộng và đổi mới theo hướng tạo sự công bằng, bình đẳng đối với mọi thành phần kinh tế, doanh nghiệp và mọi đối tượng dân cư.

Thứ tư, hệ thống ngân hàng đã được cơ cấu lại tài chính, tăng vốn điều lệ cho các NHTMNN, xử lý nợ xấu (hiện tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ đã giảm từ gần 20% trong những năm 90 xuống còn khoảng 3,1%), đào tạo cán bộ và nâng cấp hệ thống trên cơ sở công nghệ hiện đại, nối mạng và thanh toán điện tử...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng được ghi nhận nêu trên, hệ thống ngân hàng còn nhiều bất cập, nhiều vấn đề cần được khắc phục để hội nhập được tốt, có khả năng cạnh tranh cao trong môi trường quốc tế.

2.2. Nhược điểm – những bất cập

- Như trên đã nêu, hệ thống ngân hàng có nhiều đổi mới và có những bước tiến nổi bật, nhưng để hội nhập, hệ thống ngân hàng còn nhiều bất cập như:

- Hệ thống dịch vụ ngân hàng trong nước còn đơn điệu, chất lượng chưa cao, chưa định hướng theo nhu cầu khách hàng và nặng về dịch vụ ngân hàng truyền thống.

- Tình hình nợ xấu vẫn có xu hướng giảm chưa chắc chắn, trong đó đáng chú ý là khối các tổ chức tín dụng nhà nước. Nợ tồn đọng trong cho vay đầu tư xây dựng cơ bản bằng VNĐ đang ở mức cao trên tổng dư nợ.

- Tự do hóa lãi suất có xu hướng làm cho mặt bằng lãi suất trong nước tăng lên. Mặc dù lãi suất tăng lên tạo điều kiện thu hút thêm tiết kiệm vào hệ thống ngân hàng, nhưng việc lãi suất tiền gửi tăng lên làm cho lãi suất cho vay cũng tăng thêm, và điều đó tạo thêm gánh nặng về chi phí cho các doanh nghiệp phụ thuộc nặng nề vào nguồn vay từ ngân hàng. Trong điều kiện nói trên, một phần không nhỏ số doanh nghiệp có thể mất khả năng thanh toán và phá sản nếu không được tiếp tục vay vốn từ ngân hàng. Hậu quả là ngân hàng vẫn tiếp tục cho vay để nuôi nợ, dẫn đến nguy cơ mất vốn ngày càng lớn.

- Các công cụ điều tiết chính sách lãi suất của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) còn cần phải bàn và còn bất cập nên tác dụng điều tiết chưa cao. Do đó,

khi lãi suất thị trường lên cao trong khi vốn khả dụng của các NHTM dư thừa, NHNN thiếu khả năng can thiệp để điều tiết mặt bằng lãi suất.

- Cơ cấu hệ thống tài chính còn mất cân đối, hệ thống ngân hàng vẫn là kênh cung cấp vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế chủ yếu. Tuy nhiên, tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn dài trên 1 năm tại các NHTM chiếm tỷ lệ thấp, khoảng 30%, còn lại là ngắn hạn dưới 1 năm chiếm tới 70%. Trong khi đó, tỷ lệ tín dụng trung và dài hạn hiện đã ở mức trên 40% và đang có sức ép tăng lên với quá trình công nghiệp hóa của đất nước. Tính chung cả nội tệ và ngoại tệ, thì số vốn huy động ngắn hạn chuyển cho vay trung và dài hạn chiếm tới khoảng 50% tổng số vốn huy động ngắn hạn. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, đối với các nước đang phát triển, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, độ tin cậy của đồng tiền còn thấp, huy động vốn dài hạn khó khăn... Chính phủ đều có chính sách cho phép sử dụng một phần vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn, đồng thời áp dụng một số chính sách hỗ trợ để đảm bảo khả năng thanh toán của các ngân hàng. Tuy nhiên, tỷ lệ trên phải có một giới hạn nhất định. Việc sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn ở nước ta hiện nay tới 50% là quá cao, nếu duy trì quá lâu sẽ là yếu tố gây rủi ro lớn và có nguy cơ gây ra thiếu an toàn cho toàn bộ hệ thống.

- Hiệu quả sử dụng nguồn vốn huy động, đặc biệt là nguồn vốn bằng ngoại tệ còn chưa cao như mong muốn và chưa chuyển được nhiều thành vốn tín dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

- Phần lớn vốn của các NHTM Việt Nam đều thấp nên khả năng thanh khoản và tính bền vững của hệ thống chưa được cao. Hệ thống NHTMNN chiếm đến trên 75% thị trường huy động vốn đầu vào và trên 73% thị trường tín dụng, sức ép cạnh tranh còn thấp. Các NHTMCP, quỹ tín dụng quá nhỏ bé và yếu kém đang là điểm dễ bị tổn thương nhất của hệ thống. Có một số công ty tài chính và quỹ tài chính được thành lập nhưng mới bắt đầu hoạt động.

- Các ngân hàng chưa mở rộng và thay đổi phương thức kinh doanh; năng lực thẩm định dự án thấp. Tình trạng này một phần do thị trường tài chính chưa

phát triển và các khuôn khổ pháp luật, kế toán và quản lý không đầy đủ, nhưng chủ yếu là do thiếu sự cạnh tranh, điều kiện tạo ra rất ít động lực cho các ngân hàng cải thiện chất lượng hoạt động.

- Hội nhập kinh tế quốc tế đi liền với các cam kết quốc tế về mở cửa thị trường tài chính, cho phép các ngân hàng quốc tế được hoạt động và đối xử bình đẳng như những ngân hàng trong nước sẽ tạo ra những sức ép lớn hơn đối với hệ thống ngân hàng trong thời gian tới. Hệ thống ngân hàng chưa tạo dựng được một hệ thống thông tin có thể đáp ứng kịp thời, có hiệu quả cho phân tích, dự báo tình hình tiền tệ, lãi suất, tín dụng, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Nhiều tổ chức tín dụng chưa xây dựng quy trình và thực hiện quản lý tập trung đối với rủi ro thanh khoản thông qua việc xây dựng phân tích kỳ hạn. Việc quản lý rủi ro thanh khoản hầu như chỉ thực hiện ở những chi nhánh đơn lẻ, do đó khi xuất hiện những biến động bất thường, một số NHTM luôn phải đối mặt với nguy cơ mất khả năng chi trả tạm thời trên toàn hệ thống.

- Phần lớn các tổ chức tín dụng chưa xây dựng được quy trình tập trung tại hội sở chính đối với rủi ro về tỷ giá và kinh doanh ngoại hối; quy trình quản lý trạng thái ngoại hối chưa đáp ứng được yêu cầu nên chưa có những giải pháp hiệu quả để hạn chế tác động của những rủi ro này khi có sự biến động bất lợi về lãi suất và tỷ giá. Bên cạnh đó, một số tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối không chấp hành các giới hạn về trạng thái ngoại tệ, báo cáo thiếu trung thực, đầu cơ trong kinh doanh nhưng không kiểm soát được rủi ro tỷ giá. Vì vậy, khi phải đối mặt với sự biến động của thị trường đã gây tổn thất cho chính tổ chức tín dụng.

2.3. Những nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động đến hệ thống.

2.3.1. Những nguyên nhân khách quan

Sự bất cập của các Luật Ngân hàng. Các quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng Thương mại. Chậm đổi mới về tổ chức và hoạt động thanh tra giám sát...

Về điều hành chính sách tiền tệ, tồn tại, yếu kém lớn nhất trong thời gian qua ở nước ta, đặc biệt trong năm 2007 và quý I năm 2008 là lạm phát tăng cao. Việc này bị ảnh hưởng không nhỏ của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO của Việt Nam, đó là:

+ Điều hành vĩ mô chưa tốt, trong đó có những việc như: dự báo về sự biến chuyển của kinh tế thế giới, về tăng trưởng và lạm phát, về tăng nhập khẩu hàng hóa về giá cả hàng hoá tăng nhất là giá xăng dầu, sắt thép và một số loại nguyên liệu phục vụ sản xuất và xuất khẩu ... và đặc biệt là về luồng vốn nước ngoài vào Việt Nam tăng mạnh... do đó không có những biện pháp chủ động và hữu hiệu trong điều hành.

+ Lạm phát tiền tệ - đây chính là một trong những bất cập nhất trong điều hành chính sách tiền tệ theo yêu cầu hội nhập của NHNN làm cho lạm phát tăng cao. Biểu hiện cụ thể là: chưa dự báo được những ảnh hưởng tiêu cực đến điều hành chính sách tiền tệ, đó là luồng vốn nước ngoài vào Việt Nam tăng, nhưng thực hiện quản lý và đề xuất biện pháp xử lý nguồn vốn này còn lúng túng, làm tăng cung tiền đồng nhưng biện pháp điều tiết chậm

Dù đã đi vào kinh tế thị trường nhưng việc hệ thống thanh toán chuộng tiền mặt, công nghệ, dịch vụ còn không đồng bộ khiến cho hệ thống ngân hàng nội địa hoạt động mang tính tự phát, cạnh tranh không chuyên nghiệp.

2.3.2. Những nguyên nhân chủ quan

Câu chuyện điều chỉnh giá xăng vừa qua là một ví dụ. Các quyết định đã không thể kịp đưa ra điều chỉnh thị trường vào đúng thời điểm cần thiết khi phải chờ qua giai đoạn "trình" và "duyet", dẫn đến nghịch lý quyết định không còn phù hợp nữa bởi thị trường đã đảo chiều. Điều này gián tiếp ảnh hưởng đến việc kiềm chế lạm phát, gây sự lúng túng trong điều hành

Thị trường tiền tệ non trẻ dễ bị tác động trước những cú sốc và thông tin thất thiệt. Câu chuyện tỷ giá đô la lên xuống chóng mặt thời gian qua là một biểu hiện minh chứng.

3. KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THIỆN

3.3. Định hướng về chiến lược phát triển cho hệ thống

- Cần thực hiện việc quản lý điều hành kinh doanh của tổ chức tín dụng theo hướng tập trung, thống nhất tại Hội sở chính. Trên cơ sở đó, hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống, chủ động mở rộng các nghiệp vụ ngân hàng mới trên nền tảng công nghệ hiện đại, phù hợp với nhu cầu thị trường, năng lực quản lý của tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, chỉnh sửa hệ thống quy chế, quy trình nội bộ như các yêu cầu tối thiểu về vốn, quản lý rủi ro, xây dựng sổ tay tín dụng, quy trình đánh giá xếp hạng khách hàng vay, tổ chức theo dõi và thực hiện việc đánh giá chất lượng tín dụng và các khoản nợ xấu; đề cao vai trò trách nhiệm và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

- Từng tổ chức tín dụng cần chủ động coi trọng dịch vụ huy động vốn, tăng cường nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cho các hoạt động kinh doanh; gắn tăng trưởng tín dụng với việc đảm bảo hiệu quả vốn vay. Tiếp tục đẩy mạnh việc xử lý nợ xấu theo hướng giảm nợ xấu đi đôi với việc xây dựng cơ chế kiểm soát, giám sát chất lượng tín dụng. Từng bước thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo thông lệ quốc tế.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của tổ chức tín dụng, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho hoạt động của tổ chức tín dụng; hoàn thiện các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, ban hành quy định về tiêu chuẩn và yêu cầu tối thiểu về hệ thống quản lý rủi ro tại tổ chức tín dụng.

- Sửa đổi, bổ sung hệ thống kế toán ngân hàng cùng với các quy định về phân loại nợ, xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng phù hợp với chuẩn mực quốc tế, bảo đảm việc đánh giá đúng chất lượng hoạt động và thực trạng nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

- Ban hành các quy định về kiểm soát rủi ro hệ thống, giám sát rủi ro trong hoạt động ngân hàng, có khả năng cảnh báo sớm đối với các tổ chức tín dụng, đặc biệt đối với thị trường ngoại hối và hệ thống thanh toán quốc gia.

- Củng cố hệ thống thanh tra, kiểm tra của NHNN; bảo đảm để mọi tổ chức, cá nhân tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tín dụng; đồng thời có biện pháp cụ thể kiểm soát tăng trưởng tài sản có rủi ro của các NHTM, ngăn chặn xu hướng gia tăng nợ xấu.

- Thực hiện kiểm toán các NHTM theo chuẩn mực quốc tế, thuê kiểm toán nước ngoài kiểm toán đối với hoạt động ngân hàng năm 2005 và 2006.

- Rà soát kỹ hoạt động và tình hình tài chính của các NHTM trước khi bổ sung và tiến hành cổ phần hóa. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Luật Các Tổ chức tín dụng.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của NHNN với xu hướng hình thành bộ máy tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp, có đủ năng lực đối với đội ngũ cán bộ có đủ trình độ xây dựng và thực thi CSTT theo thông lệ quốc tế, tiên tiến và hiện đại. Xây dựng và thực thi CSTT linh hoạt, bảo đảm ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định nền kinh tế.

- Cải cách căn bản và đổi mới triệt để các NHTM theo hướng phát triển toàn diện, đa năng, hiện đại và đáp ứng các chuẩn mực và đòi hỏi theo thông lệ quốc tế, bảo đảm từng bước đưa các NHTM phát triển ngang tầm với các NHTM ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Đẩy mạnh thị trường dịch vụ ngân hàng, bảo đảm dịch vụ ngân hàng ngày một phong phú, đa dạng với chất lượng phục vụ cao.

3.4. Những ý kiến đối với Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

- Toàn ngành Ngân hàng tập trung xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp luật về ngân hàng phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển ngành Ngân hàng và lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, cụ thể là tập trung xây dựng, hoàn thiện dự án Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức

tín dụng, Luật Bảo hiểm tiền gửi và Luật Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng; tập trung nghiên cứu, chỉnh sửa, hoàn thiện các quy định về ngoại hối, về đảm bảo an toàn, về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng.....

- Chính sách tiền tệ bám sát mục tiêu ngăn chặn suy giảm kinh tế, kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý, ổn định thị trường tiền tệ và bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng trước những biến động của tình hình tài chính quốc tế. Để đạt được mục tiêu đó, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, kết hợp hài hoà, linh hoạt giữa điều hành tỷ giá và lãi suất; tăng cường phối hợp với các bộ, ngành để đảm bảo nhất quán giữa các chính sách kinh tế vĩ mô, nhất là giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa; nâng cao hiệu quả công tác thống kê, dự báo, phản ứng kịp thời trước những diễn biến kinh tế, tiền tệ trong nước và quốc tế; đảm bảo tính thanh khoản của các tổ chức tín dụng.

- Phát triển vững chắc và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, nhằm huy động tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội và phân bổ có hiệu quả các nguồn vốn đó cho đầu tư phát triển sản xuất. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho sản xuất, xuất khẩu, phát triển nông nghiệp, nông thôn, mở rộng cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ; nâng cao năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của các tổ chức tín dụng trong nước.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng. Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về thanh tra, giám sát ngân hàng và các quy định về đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, đi đôi với việc củng cố bộ máy tổ chức, tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ thanh tra ngân hàng.

- Phát triển mạnh công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội về các hoạt động dịch vụ ngân hàng.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, nâng vai trò, vị thế của Việt Nam trong cộng đồng tài chính, tiền tệ quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động ngân hàng, nhằm tạo sự đồng thuận của xã hội đối với hoạt động tiền tệ, ngân hàng, đồng thời, tạo thêm kênh giám sát của xã hội đối với hoạt động của hệ thống ngân hàng.

3.5. Giải pháp riêng cho ngân hàng thương mại

3.5.1. Thị trường và khách hàng mục tiêu:

- Về thị trường đầu tư:

Sự phát triển của các dịch vụ tài chính ngược lại cũng làm đa dạng hóa các phương thức đầu tư và cũng một phần thay thế, bổ sung cho các phương thức đầu tư khác để phù hợp với khả năng và nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp. Sự phát triển của thị trường đầu tư không chỉ dừng lại ở phạm vi một quốc gia và có tính chất quốc tế, ngoài việc đầu tư gián tiếp trên thị trường chứng khoán, mà các dự án đầu tư trực tiếp xuyên quốc gia, ở các khu vực thị trường đang lên, các hình thức liên doanh, liên kết và mua cổ phần,... cũng làm phát sinh mạnh mẽ các nhu cầu dịch vụ đòi hỏi ngân hàng cung cấp, từ thanh toán, bảo lãnh dự thầu, đồng tài trợ dự án, thuê mua,... đến chuyển đổi tiền tệ.

- Về phía khách hàng:

Do có sự hiểu biết về tâm lý, và phong tục tập quán của người dân Việt Nam nên khách hàng mục tiêu của NHTM chủ yếu là các doanh nghiệp trong nước. Mặc dù vậy không chỉ có Doanh Nghiệp mới là khách hàng của NHTM, do vậy các NHTM cần phải tiếp tục mở rộng và thu hút các khách ngoài nước và các cá nhân trong nước.

3.5.2. Các sản phẩm ngân hàng:

Các ngân hàng cần phải phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ để phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Bước vào sân chơi toàn cầu nhất là việc Việt Nam gia nhập WTO. Theo lộ trình thì việc các ngân hàng nước ngoài đầu tư vào Việt Nam rất nhiều. Nếu các dịch vụ của các NHTM của Việt Nam chỉ giữ những sản phẩm truyền thống thì khó mà tồn tại.

3.5.3. Mạng lưới kinh doanh của ngân hàng thương mại

Việc tăng cường mạng lưới kinh doanh rất quan trọng, ngày nay người tiêu dùng chỉ muốn tiện lợi nhất cho mình, cái khách hàng muốn là khi ra đầu ngõ có thể gặp ngay ngân hàng để giao dịch. Bên cạnh đó việc gia tăng mạng lưới sẽ giúp cho ngân hàng dễ tiếp cận với công chúng hơn góp phần quảng bá hình ảnh của ngân hàng.

3.5.4. Vấn đề cạnh tranh của NHTM

Tăng vốn điều lệ: Đây là việc làm rất quan trọng. Theo luật nhà nước qui định thì khi thành lập một ngân hàng mới thì vốn pháp định là một ngàn tỉ. Tuy nhiên để tạo lòng tin đối với khách hàng và có thể cạnh tranh với các ngân hàng bạn thì việc tăng vốn điều lệ là một vấn đề cấp bách

Cải thiện môi trường công nghệ thông tin: Ngành ngân hàng ngày càng phát triển, đặc biệt là về vấn đề an toàn và nhanh chóng cho khách hàng được đặt lên hàng đầu. Do đó môi trường công nghệ thông tin phát triển là một trợ thủ đắc lực để giúp các NHTM có thể cạnh tranh với ngân hàng bạn.

Về thu hút nhân tài: Như đã nêu ở trên, ngân lực của ngành ngân hàng là những người đã qua trường lớp đào tạo, có bằng cấp. Tuy nhiên, việc một doanh nghiệp muốn phát triển bền vững, cạnh tranh tốt, ngoài việc phải có vốn, phát triển công nghệ thông tin,... nhưng con người vẫn đóng vai trò quan trọng nhất. Do đó, việc thu hút nhân tài là việc làm cần thiết. Tuy nhiên, ngoài việc thu hút nhân tài thì ngân hàng phải thực hiện chính sách tái đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên. Tránh tình trạng chảy máu chất xám của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- 1. Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại của Tiến sĩ. Nguyễn Minh Kiều**
- 2. Một số tạp chí kinh tế, ngân hàng từ giai đoạn 2006 – 2008**